

Số: 923a/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền  
trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC**

Căn cứ vào Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 15/08/2020 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Phòng QLĐT và Khoa Y học cổ truyền,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc gồm Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2021; là căn cứ để tổ chức, thực hiện, kiểm tra, thanh tra quá trình đào tạo.

**Điều 3.** Trưởng phòng QLĐT, Trưởng khoa Y học cổ truyền, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT./.



**TS. Nguyễn Văn Hòa**



## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 923a/QĐ-ĐHKB ngày 18 tháng 11 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

Ngành đào tạo	: Y học cổ truyền
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành	: 7720115
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 6 năm
Danh hiệu tốt nghiệp	: Bác sĩ Y học cổ truyền

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện:

MT1: Có phẩm chất đạo đức, chính trị, có ý thức nghề nghiệp, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

MT2: Có thể giới quan, nhân sinh quan rõ ràng, có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

MT3: Đào tạo Bác sĩ y học cổ truyền có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về y học hiện đại và y học cổ truyền; có khả năng tiếp thu thừa kế và phát triển vốn y dược cổ truyền với y học hiện đại trong phòng và chữa bệnh, có khả năng tự học vươn lên để đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.1. Về kiến thức:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền của Trường Đại học Kinh Bắc sẽ nắm vững các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành. Trong đó:

KT1: Lý luận cơ bản của y học cổ truyền, những kiến thức cơ bản về dược học y học cổ truyền.

KT2: Những kiến thức cơ bản của y học hiện đại làm nền tảng kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền

KT3: Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý theo quan điểm y học cổ truyền.

KT4: Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

KT5: Những nguyên tắc cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo y học cổ truyền kết hợp với các phương tiện của y học hiện đại.

KT6: Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

KT7: Phương pháp luận khoa học trong y học cổ truyền đối với công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học

## **2.2 Về kỹ năng**

### **\* Kỹ năng cứng**

KN1: Chẩn đoán và điều trị được các bệnh và chứng bệnh thường gặp bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

KN2: Phát hiện và xử trí ban đầu một số bệnh cấp cứu.

KN3: Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản để chẩn đoán và đánh giá hiệu quả điều trị các bệnh thường gặp.

KN4: Làm được bệnh án y học cổ truyền và y học hiện đại bao gồm: chẩn đoán nguyên nhân, bát cương, tạng phủ, bệnh danh theo Lý Pháp, Phương dược (khi dùng thuốc); theo Lý, Pháp, Kinh, Huyết (khi châm cứu xoa bóp) để điều trị thích hợp cho từng bệnh nhân (biện chứng luận trị)

KN5: Làm được các thủ thuật điều trị như: Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh, thực hành bệnh viện (băng bó vết thương, cố định tạm thời, tiêm chích, lấy bệnh phẩm, chọc dò, thụt tháo...) bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại khi cần thiết.

KN6: Làm một số thủ thuật (Bộ Y tế cho phép) chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng bằng phương pháp y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.

### **\* Kỹ năng mềm**

KN7: Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận các vấn đề theo phương pháp luận khoa học của y học hiện đại và y học cổ truyền Tham gia bồi dưỡng, đào tạo cán bộ y học cổ truyền.

KN8: Tham gia thực hiện giáo dục sức khoẻ tại cộng đồng và trong các cơ sở Y tế.

KN9: Tham gia ngăn chặn, bao vây, phòng chống dịch bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại.

KN10: Tham gia và thực hiện các chương trình y tế tại cộng đồng công tác dự phòng tại các cơ sở y tế nhất là chương trình y học cổ truyền như thừa kế, xã hội hoá y học cổ truyền, chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

KN11: Tham gia điều tra theo dõi để hiểu rõ tình hình sức khoẻ, dịch bệnh, các chỉ số sức khoẻ và thực trạng y học cổ truyền tại địa phương, đồng thời thực hiện các biểu mẫu hồ sơ thống kê liên quan.

KN12: Đạt trình độ ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và tin học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 2.3. Thái độ

TD1: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

TD2: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

TD3: Khiêm tốn học tập vươn lên

TD4: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức phục vụ nhân dân

TD5: Luôn học tập, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu đổi mới

TD6: Có lòng yêu nghề, tinh thần cải tiến trong công việc được giao

TD7: Chấp hành sự phân công, điều động trong công tác

TD8: Sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến phê bình một cách tích cực

TD9: Tự tin, bản lĩnh và khẳng định năng lực.

**2. Chuẩn đầu ra:** Thực hiện theo Quyết định số 766a/QĐ-ĐHKB ngày 06/10/2021 của Trường Đại học Kinh Bắc

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 199 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)

#### 3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức

- Thời gian đào tạo: 6 năm

- Khối kiến thức: 191 tín chỉ

#### 3.2. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>22</b>
1.1	Lý luận chính trị	
1.2	Ngoại ngữ - Tin học	
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>169</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	48
2.2	Kiến thức chuyên ngành	121

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Trường Đại học Kinh Bắc.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ: Thực hiện theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Kinh Bắc.

**Điều kiện tốt nghiệp:** Kết thúc khóa học, sinh viên có đủ các điều kiện theo quy định của Trường Đại học Kinh Bắc được xét và công nhận tốt nghiệp.

#### 6. Cách thức đánh giá

##### 6.1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D, tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

## **6.2. Cách thức đánh giá học phần**

### **6.2.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành học phần, tiểu luận, thảo luận)**

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần, điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) và điểm chuyên cần.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm quá trình: Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần, kiểm tra phần thực hành học phần, điểm tiểu luận.

- Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

### **6.2.2. Đối với các học phần thực hành**

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

### **GHI CHÚ:**

Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt: A (8,5 - 10)	Giỏi
B (7,0 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (3,0 - 3,9)

Kém

### 6.2.3. Đối với học phần tốt nghiệp

- Việc đánh giá học phần tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

- Điểm của học phần tốt nghiệp được chấm theo quy định tại trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc. Kết quả học phần tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần. Điểm học phần tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

- Sinh viên có học phần tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại học phần tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên học phần thêm tương đương với số tín chỉ của học phần tốt nghiệp.

### 7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú	
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học		
<b>I</b>		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>22</b>						
		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>13</b>						
1	7114001	Triết học Mác-Lênin	3	2	1		90		
2	7114002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	1		60		
3	7114003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1		60		
4	7114004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1	1		60		
5	7114005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1		60		
6	7114006	Pháp luật đại cương	2	1	1		60		
		<b>Ngoại ngữ</b>	<b>6</b>						
7	7114007	Tiếng Trung 1	2	1	1		60		
8	7114008	Tiếng Trung 2	2	1	1		60		
9	7114009	Tiếng Trung 3	2	1	1		60		
		<b>Tin học</b>	<b>3</b>						
10	7114010	Tin học đại cương	2	1		1	60		
11	7114011	Kỹ năng mềm	1	1			30		
12	7114012	Giáo dục thể chất	4						
13	7114013	Giáo dục QP-AN	Cấp chứng chỉ						
<b>II</b>		<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>169</b>						
		<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>	<b>13</b>	<b>10</b>		<b>3</b>			
14	7102001	Toán thống kê y học	2	1		1	60		
15	7102002	Lý sinh	2	1.5		0.5	60		

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học	
16	7102003	Hóa học	2	1.5		0.5	60	
17	7102004	Sinh học di truyền	2	1.5		0.5	60	
18	7102005	Tin học ứng dụng	2	1.5		0.5	60	
19	7102006	Tâm lý học – Đạo đức y học	1	1			30	
20	7102007	Dân số học	1	1			30	
21	7102008	Kỹ năng giao tiếp	1	1			30	
		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>35</b>					
		<i>Bắt buộc</i>						
22	7102009	Giải phẫu	4	2		2	120	
23	7102010	Mô phôi	2	1.5		0.5	60	
24	7102011	Hóa sinh	2	1.5		0.5	60	
25	7102012	Vi sinh	2	1		1	60	
26	7102013	Ký sinh trùng	1	0.5		0.5	30	
27	7102014	Sinh lý học	2	2		1	60	
28	7102015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1			30	
29	7102016	Giải phẫu bệnh	2	1		1	60	
30	7102017	Sinh lý bệnh	2	1.5		0.5	60	
31	7102018	Miễn dịch – Dị ứng	2	2			60	
32	7102019	Chẩn đoán hình ảnh	2	1		1	60	BV
33	7102020	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	2	1		1	60	
34	7102021	Lý luận YHCT 1	3	3			90	
35	7102022	Lý luận YHCT 2	2	1		1	60	BV
36	7102023	Dược lý	3	2		1	90	
37	7102024	Dịch tễ học	1	1			30	
38	7102025	Điều dưỡng cơ bản	2	1		1	60	
		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>111</b>					
		<i>Bắt buộc</i>						
39	7102026	Cấp cứu ban đầu	2	1		1	60	BV
40	7102027	Nội cơ sở YHHĐ	3	2		1	90	BV
41	7102028	Ngoại cơ sở YHHĐ	2	1		1	60	BV
42	7102029	Sản phụ khoa YHHĐ	2	1		1	60	BV
43	7102030	Nhi khoa YHHĐ	2	1		1	60	BV
44	7102031	Phẫu thuật thực hành	2	1		1	60	
45	7102032	Nội bệnh lý YHHĐ	6	4		2	180	BV
46	7102033	Ngoại bệnh lý YHHĐ	3	2		1	90	BV



TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học	
47	7102034	Lao	1	0.5		0.5	30	BV
48	7102035	Truyền nhiễm YHHĐ	2	1		1	60	BV
49	7102036	Da liễu YHHĐ	2	1		1	60	BV
50	7102037	Phục hồi chức năng	4	2		2	120	BV
51	7102038	Thần kinh	2	1		1	60	BV
52	7102039	Tâm thần	1	0.5		0.5	30	BV
53	7102040	Tai mũi họng	1	0.5		0.5	30	BV
54	7102041	Răng hàm mặt	1	0.5		0.5	30	BV
55	7102042	Ung thư	2	1		1	60	BV
56	7102043	Tiền lâm sàng YHCT	3			3	90	
57	7102044	Tiền lâm sàng YHHĐ	2			2	60	
58	7102045	Tổ chức quản lý y tế	2	1.5		0.5	60	
59	7102046	Chế biến – Bào chế thuốc YHCT	2	1		1	60	
60	7102047	Dược học cổ truyền	6	4		2	180	
61	7102048	Phương tễ	6	4		2	180	BV
62	7102049	Châm cứu học 1	2	1.5		0.5	60	
63	7102050	Châm cứu học 2	4	2		2	120	
64	7102051	Phương pháp xoa bóp bấm huyệt	2	1.5		0.5	60	
65	7102052	Xoa bóp bấm huyệt	2	1		1	60	BV
66	7102053	Bệnh học ngũ quan	2	1		1	60	BV
67	7102054	Bệnh học lão khoa YHCT	2	1		1	60	BV
68	7102055	Ôn bệnh	2	2			60	
69	7102056	Nhi YHCT	2	1		1	60	BV
70	7102057	Sản phụ khoa YHCT	2	1		1	60	BV
71	7102058	Bệnh học ngoại YHCT	2	1		1	60	BV
72	7102059	Bệnh học nội YHCT	8	4		4	240	BV
73	7102060	Da liễu YHCT	1	0.5		0.5	30	BV
74	7102061	Thực hành Bệnh học và điều trị ngoại khoa YHCT	2			2	60	BV
75	7102062	Thực hành Bệnh học và điều trị phụ khoa YHCT	2			2	60	BV
76	7102063	Thực hành Bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT	2			2	60	BV

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học	
77	7102064	Thực tập Châm cứu, xoa bóp, dưỡng sinh, YHCT, TT phòng khám	4			4	120	BV
78	7102065	Thực tập Bệnh học nội khoa YHCT	2			2	60	BV
79	7102066	Thực tập Bệnh học và điều trị lão khoa YHCT	2			2	60	BV
80	7102067	Thực tập Dược YHCT	2			2	60	BV
81	7102068	Thực tế cộng đồng YHCT	2			2	60	BV
82	7102069	Tác phẩm kinh điển YHCT	1	1			30	
83	7102070	Kỹ thuật nuôi trồng và định hướng phát triển cây con làm thuốc	2	1		1	60	BV
<b>III</b>		<b>Kiến thức tốt nghiệp</b>	<b>10</b>					
84	7102071	Thực tập tốt nghiệp	4					
85	7102072	Khóa luận hoặc môn học thay thế	6					

### 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

#### Học kỳ 1: 18 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Triết học Mác-Lênin	3	Khoa Cơ bản
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Khoa Cơ bản
3	Tiếng Trung 1	2	Khoa YHCT
4	Lý sinh	2	Khoa YHCT
5	Hóa học	2	Khoa YHCT
6	Tác phẩm kinh điển YHCT	1	Khoa YHCT
7	Lý luận cơ bản YHCT 1	3	Khoa YHCT
8	Kỹ năng mềm	1	Khoa YHCT
9	GDTC	2	Khoa Cơ bản

**Học kỳ 2: 17 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Dân số	1	Khoa YHCT
2	Tin học đại cương	2	Khoa YHCT
3	Tiếng Trung 2	2	Khoa YHCT
4	Giải phẫu	4	Khoa YHCT
5	Châm cứu học 1	2	Khoa YHCT
6	Phương pháp xoa bóp bấm huyệt	2	Khoa YHCT
7	Tiền lâm sàng YHCT 1	3	Khoa YHCT

**Học kỳ 3: 12 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Tiếng Trung 3	2	Khoa YHCT
2	Vi sinh	2	Khoa YHCT
3	Ký sinh trùng	1	Khoa YHCT
4	Hóa sinh	2	Khoa YHCT
5	Mô phôi	2	Khoa YHCT
6	Sinh lý học	3	Khoa YHCT
7	Giáo dục QPAN		

**Học kỳ 4: 19 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Sinh học di truyền	2	Khoa YHCT
2	Sinh lý bệnh	2	Khoa YHCT
3	Điều dưỡng cơ bản	2	Khoa YHCT
4	Miễn dịch dị ứng	2	Khoa YHCT
5	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	2	Khoa YHCT
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Cơ bản
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Cơ bản
8	Tâm lý học – Đạo đức y học	1	Khoa YHCT
9	Phẫu thuật thực hành	2	Khoa YHCT
10	Kỹ năng giao tiếp	1	Khoa YHCT
11	GDTC	2	

**Học kỳ 5: 16 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Pháp luật đại cương	2	Khoa Luật
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Khoa Cơ bản
3	Toán thống kê	2	Khoa YHCT
4	Giải phẫu bệnh	2	Khoa YHCT
5	Tin học ứng dụng	2	Khoa YHCT
6	Dược lý	3	Khoa Dược
7	Nội cơ sở YHHĐ	3	Khoa YHCT

**Học kỳ 6: 14 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Tiền lâm sàng YHHĐ	2	Khoa YHCT
2	Ngoại cơ sở YHHĐ	2	Khoa YHCT
3	Cấp cứu ban đầu	2	Khoa YHCT
4	Lý luận YHCT 2	2	Khoa YHCT
5	Chẩn đoán hình ảnh	2	Khoa YHCT
6	Phục hồi chức năng	4	Khoa YHCT

**Học kỳ 7: 16 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Tổ chức và quản lý y tế	2	Khoa YHCT
2	Nội bệnh lý YHHĐ	6	Khoa YHCT
3	Ngoại bệnh lý YHHĐ	3	Khoa YHCT
4	Sản phụ khoa YHHĐ	2	Khoa YHCT
5	Nhi khoa YHHĐ	2	Khoa YHCT
6	Phương pháp NCKH	1	Khoa Cơ bản

**Học kỳ 8: 14 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Da liễu YHHĐ	2	Khoa YHCT
2	Truyền nhiễm YHHĐ	2	Khoa YHCT
3	Thần kinh	2	Khoa YHCT
4	Tâm thần	1	Khoa YHCT
5	Tai mũi họng	1	Khoa YHCT
6	Răng hàm mặt	1	Khoa YHCT
7	Ôn bệnh	2	Khoa YHCT
8	Ung thư	2	Khoa YHCT
9	Lao	1	Khoa YHCT

**Học kỳ 9: 20 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Châm cứu học 2	4	Khoa YHCT
2	Xoa bóp bấm huyệt	2	Khoa YHCT
3	Dược học cổ truyền	6	Khoa YHCT
4	Phương tễ (Bài thuốc YHCT)	6	Khoa YHCT
5	Chế biến – Bảo chế thuốc YHCT	2	Khoa YHCT

**Học kỳ 10: 20 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Bệnh học nội YHCT	8	Khoa YHCT
2	Bệnh học ngoại YHCT	2	Khoa YHCT
3	Bệnh học sản phụ khoa YHCT	2	Khoa YHCT
4	Bệnh học lão khoa YHCT	2	Khoa YHCT
5	Bệnh học ngũ quan	2	Khoa YHCT
6	Da liễu YHCT	1	Khoa YHCT
7	Dịch tễ học	1	Khoa YHCT
8	Thực tập Dược YHCT	2	Khoa YHCT

**Học kỳ 11: 12 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Nhi YHCT	2	Khoa YHCT
2	Kỹ thuật nuôi trồng và định hướng phát triển cây con làm thuốc	2	Khoa YHCT
3	Thực hành Bệnh học và điều trị ngoại khoa YHCT	2	Khoa YHCT
4	Thực hành Bệnh học và điều trị phụ khoa YHCT	2	Khoa YHCT
5	Thực hành Bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT	2	Khoa YHCT
6	Thực tập Bệnh học Nội khoa YHCT	2	Khoa YHCT

## Học kỳ 12: 18 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Thực tập Châm cứu, xoa bóp, dưỡng sinh, YHCT, TT Phòng khám	4	Khoa YHCT
2	Thực tế cộng đồng YHCT	2	Khoa YHCT
3	Thực hành Bệnh học và điều trị lão khoa YHCT	2	Khoa YHCT
4	Thực tế tốt nghiệp	4	Khoa YHCT
5	Khóa luận/học phần thay thế	6	Khoa YHCT

9. Mối quan hệ giữa học phần và chuẩn đầu ra (Phụ lục kèm theo)

10. Đề cương chi tiết học phần (Phụ lục kèm theo)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Khi sắp xếp lịch dạy học cần chú ý đến tính kế thừa của các học phần

- Tổ chức phân công cán bộ tư vấn cho các lớp; Tư vấn giải quyết các đăng ký lựa chọn học phần, giảng viên của sinh viên

- Phân công giảng viên xây dựng bài giảng, file trình chiếu theo giáo trình đã chọn, tổ chức kiểm tra và ký duyệt trước khi giảng viên lên lớp.

- Khoa chủ động thay thế giảng viên (nếu cần thiết) nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giảng dạy tốt nhất

- Khoa và giảng viên được phân công phải cung cấp kế hoạch bài giảng (theo mẫu) hoặc đề khoa quản lý, bài giảng, bài tập để sinh viên ôn-tô làm tài liệu học tập và lưu trữ tại khoa.

- Tổ chức thi để đánh giá kết quả giảng dạy và học tập.

- Hướng dẫn quy chế - đào tạo cho sinh viên, giảng viên tư vấn.

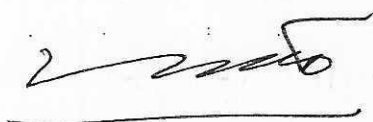
- Xây dựng và công bố cho sinh viên ngay từ đầu khóa học danh mục đề án học phần, danh mục đề tài tốt nghiệp và các form mẫu...

11.2. Tổ chức và phương pháp dạy học

Áp dụng phương pháp dạy - học tích cực lấy **Hiệu quả đào tạo** làm trung tâm. Coi trọng chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

**KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**TRƯỞNG KHOA**



**TS. Đỗ Đình Long**

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Văn Hòa**